TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **113**/2025/HNGĐ-ST Ngày 05/08/2025 *V/v Ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hạnh ;

Bà Nguyễn Thị Anh Vân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phong Thị Lan.

Trong ngày 05 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 249/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Đình P, sinh ngày 01/10/1986; Nơi thường trú: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Chu Thị L; sinh ngày 25/5/1985; Nơi thường trú: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 13/06/2025, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Vũ Đình P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Đình P và bà Chu Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng kí kết hôn tại UBND xã K, huyện N, thành phố Hà Nội ngày 02/11/2005 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà ông P ở tổ dân phố L, phường K, quận A, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc. Quá trình sinh sống, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tính cách không hợp nhau, hai bên không kiềm chế được bản thân mỗi lần cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn, bà L bỏ về nhà ngoại ở, sau đó ông P đi chấp hành án phạt tù nên vợ chồng ông sống ly thân đã được 13 năm. Ông P xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L. Vì lý do công việc, ông P đề nghị Toà án tạo điều kiện giải quyết cho ông mà không hoà giải nhiều lần.

Về con chung: Ông P và bà L có hai con chung là Vũ H, sinh ngày 16/11/2005 và Vũ Thị M, sinh ngày 31/8/2007. Anh H đã trưởng thành khoẻ mạnh. Chị M hiện đang ở cùng ông P. Khi ly hôn, ông P xin được nuôi chị M và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Ông sẽ có trách nhiệm nuôi các con ăn học đầy đủ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ chung: Ông P và bà L không có.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Chu Thị L trình bày:

Bà L đồng ý về thời gian và điều kiện kết hôn như ông P trình bày. Bà và ông P đã có mâu thuẫn tự lâu do hai bên đều là người nóng tính không kiềm chế được bản thân mỗi lần cãi vã nên có đánh chửi nhau. Ông bà sống ly thân từ năm 2016 đến nay do ông P và bố mẹ ông P vứt đồ đạc của bà và đuổi bà ra khỏi nhà. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông P chơi bời, ngoại tình, có con riêng, không chăm lo cho gia đình. Bà không còn tình cảm với ông P nhưng chỉ đồng ý ly hôn khi ông P cam kết chăm lo cho hai con chung là Vũ Đình H, sinh ngày 16/11/2005 và Vũ Thị Kiều M sinh ngày ngày 31/8/2007 học hành đầy đủ, có chỗ ở ổn định vì bao nhiêu năm bà L một mình chăm sóc các con, ông P không hỏi thăm hay cấp dưỡng nuôi các con. Bà L bán hàng tạp hóa, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng, nhà đi thuê, không có điều kiện chăm sóc con tốt. Ông P có nhà đất do ông nội cho, bà muốn ông P cam kết lo cho hai con có chỗ ở ổn định sau này thì bà mới đồng ý ly hôn với ông P.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Vũ H, sinh ngày 16/11/2005 và Vũ Thị M sinh ngày ngày 31/8/2007. Bà L là người đã chu cấp và nuôi dưỡng các con chung trong nhiều năm qua, tới thời điểm hiện tại anh H đã trưởng thành và chị Vũ Thị M đang đi học THPT và đang sống với ông bà nội.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án nhận được Bản bổ sung ý kiến đề ngày 28/7/2025 của bà L với nội dung, bà và ông P được bà nội ông P là cụ Vương Thị V, tặng cho 73m^2 đất tại tổ dân phố L, phường T, là chỗ ở duy nhất của ông bà trong thời kỳ sống chung (Từ năm 2004 - 2016). Ông P đi tù nhiều lần, đi cải tạo về, không quan tâm tới gia đình. Ngày 21/8/2016 ông P đánh đập, đuổi bà ra khỏi nhà nên bà đã mang theo hai con ra ngoài ở. Năm 2017, khi ông P đi chấp hành án (Từ 2017-2019), bà đã sống ly thân nhưng vẫn tiếp tế cho ông P nhiều lần. Từ tháng 4/2023 đến nay, cháu M về ở với ông bà nội để tiện ăn học và chăm sóc ông bà đã già yếu và bà L vẫn chu cấp tiền học, ăn uống cho cháu M. Bà đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng thửa đất 73m^2 tại tổ dân phố L, phường T là tài sản chung vợ chồng, được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân và tiến hành chia theo quy định của pháp luật. Phần tài sản của bà L được hưởng, bà đề nghị Tòa án xem xét để lại cho hai cháu Vũ Đình Hiển và Vũ Thị Kiều M được hưởng nhưng bà L không có tài liệu, chứng cứ giao nộp kèm theo.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, ông P trình bày : Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xét xử cho ông được ly hôn với bà L ; Giao cháu Vũ Thị M cho ông P nuôi dưỡng, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Ông và bà L không có tài sản chung. Về nhà

đất ông P đang ở và đứng tên tại tổ dân phố L, phường T, ông P được ông bà nội lập hợp đồng tặng cho riêng và đất được cấp giấy chứng nhận đứng tên một mình ông năm 2016, vợ chồng ông không có công sức tôn tạo gì. Ông P sẽ dạy bảo con, nuôi con, cho các con chỗ ăn chỗ ở. Sau này, các con lớn rồi ở với ai là quyền của các cháu.

- Bị đơn, bà L trình bày : Bà xác định tình cảm vợ chồng với ông P không còn nhưng chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện ông P chia ½ đất 73m^2 tại tổ dân phố L cho hai con chung. Cách đây 03 năm ông P và gia đình đã bảo bà quay lại nhưng do hai bên còn nhiều khúc mắc chưa giải quyết được từ phía bố mẹ ông P nên ông bà không quay về ở với nhau và ngay sau đó, ông P lại đi lại với người phụ nữ khác. Hai vợ chồng bà không ở với nhau lâu nên không còn tình cảm nhưng trước đây bà còn tình cảm, nhưng do ông P ra ngoài có người khác, không muốn ở với bà, bà đồng ý không ở chung. Bà hiện phải đi thuê nhà, không có điều kiện nuôi con như ông P nên để cháu M ở cùng ông P và còn chăm sóc ông bà nội. Thửa đất tại tổ dân phố L trước đây hai vợ chồng ở, bà yêu cầu ông P chia cho hai con chung của ông bà có nguồn gốc là ông bà nội chồng bà làm hợp đồng tặng cho riêng chồng bà là ông P đứng tên nhưng thực tế cụ V, bà nội ông P đã nói với bà L là cho hai vợ chồng – bà cũng không có chứng cứ gì về việc này. Bà L không có công sức gì đóng góp vào nhà đất do vợ chồng làm chỉ đủ ăn nhưng bà L đã lấy chồng 21 năm lại ra đi tay trắng thì không công bằng, bà cần có chỗ ở cho con chung nên bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông P cho con nhà đất.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận A phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ việc:

+ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, trang tụnh đều được thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành các quy định tại Điều 70,71, 72 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P với bà L; ông P, bà L có hai con chung là Vũ H, sinh ngày 16/11/2005 và Vũ Thị M sinh ngày ngày 31/8/2007. Anh H đã trưởng thành và giao chị M cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con; Đề nghị Tòa án không xem xét yêu cầu chia tài sản là nhà đất của bà L trong vụ án này vì đơn yêu cầu được gửi sau thời điểm Tòa án mở phiên họp và đến phiên tòa, bà L không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh tài sản yêu cầu Tòa án giaỉ quyết là tài sản chung vợ chồng ông P, bà L và cũng khẳng định là không có chứng cứ gì chứng minh tài sản yêu cầu chia là tài sản chung. Ông P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Chu Thị L là bị đơn trong vụ án cư trú tại tổ dân phố Hạ 9, phường T, thành phố Hà Nội nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội theo quy định tại Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông P, bà L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng kí kết hôn tại tại UBND xã K, huyện N, thành phố Hà Nội ngày 02/11/2005 trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông P, bà L chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tính cách không hợp nhau, đều là người nóng tính không kiềm chế được bản thân mỗi lần cãi vã nên có đánh chửi nhau, ông P có hành vi vi phạm pháp luật, bị kết án. Ông P, bà L đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Ông P xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L. Bà L khẳng định vợ chồng không còn tình cảm, đã ly thân từ năm 2016 nhưng những chỉ đồng ý ly hôn khi ông P chia đất ở cho hai con chung. Xét ông P, bà L không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau, không cùng hướng tới mục đích chung là xây dựng hôn nhân, gia đình hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa ông P, bà L là trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông P yêu cầu ly hôn với bà L là có căn cứ. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P với bà L.

2.2. Về con chung: Ông P và bà L có hai con chung là Vũ H, sinh ngày 16/11/2005 và Vũ Thị M, sinh ngày 31/8/2007. Anh H đã trưởng thành khoẻ mạnh. Chị M hiện đang ở cùng ông P. Khi ly hôn, ông P có nguyện vọng được nuôi chị M, chị M có nguyện vọng được ở với ông P và bà L cũng đồng ý để ông P nuôi con khi hai ông bà ly hôn nên giao chị M cho ông P nuôi dưỡng. Bà L là người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên bà L không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung:

- Ông P khai ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông bà không tạo dựng được tài sản gì chung. Nhà đất tại tổ dân phố L, phường T trước đây vợ chồng ông ở là của ông bà nội ông. Năm 2016, ông được ông bà nội lập hợp đồng tặng cho và sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông không đồng ý sang tên cho các con ông vì các con ở với ông, thì sau này ông sẽ giao nhà đất cho các con.

- Bà L, tại Tòa án, lời khai ban đầu của bà khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung sau đó lại thay đổi lời khai là nhà đất trước kia hai vợ chồng ông bà ở được ông bà nội ông P cho riêng ông trên giấy tờ hợp đồng nhưng bà nội ông P nói với bà là cho hai vợ chồng nên bà yêu cầu ông P sang tên cho hai con chung một nửa đất. Bà L

không có chứng cứ gì về việc bà nội chồng nói là cho hai vợ chồng nhà đất, bà cũng không có công sức hay tạo dựng tài sản gì trên đất vì hai vợ chồng làm chỉ đủ ăn. Xét yêu cầu giải quyết về tài sản của bà L được gửi đến Tòa án trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, bà L không có chứng cứ gì giao nộp nên không có căn cứ giải quyết trong vụ án này. Do đó giành quyền khởi kiện về tài sản cho bà L trong vụ án khác khi bà L có đủ chứng cứ.

- Về nợ chung: Ông P, bà L không có.

[3] Về án phí: Ông P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng : Các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Vũ Đình P đối với bà Chu Thị L

3. Về quan hệ hôn nhân : Ông Vũ P được ly hôn với bà Chu Thị L.

4. Về con chung: Ông P, bà L có hai con chung là Vũ H, sinh ngày 16/11/2005 và Vũ Thị M sinh ngày ngày 31/8/2007. Anh H đã trưởng thành. Giao chị Vũ M cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

5. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên bà L không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

6. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết tài sản chung; Giành quyền khởi kiện về tài sản chung cho các đương sự trong vụ án khác.

7. Về nợ chung: Không có.

8. Về án phí : Ông P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông P đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0075909 ngày 17/06/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A nay chuyển thành án phí. Ông P đã nộp đủ án phí.

9. Về quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV4-Hà Nội;
- Phòng THADS KV4-Hà Nội;
- TAND, VKSND TP. Hà Nội;
- UBND phường T (Số 89/2005);
- Lưu hồ sơ; Văn thư.

Nguyễn Thị Thanh Loan